

BỮU SƠN KỲ HƯƠNG - TÔN GIÁO CỦA NGƯỜI VIỆT Ở ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG

CAO THANH TÂN

Khi bàn về sự ra đời của các tôn giáo địa phương ở Nam Bộ người ta thường nói tới sự đàn áp bóc lột của thực dân và sự thất bại của các phong trào chống Pháp của nông dân bản xứ coi đó là nguyên nhân chủ yếu. Tuy nhiên, tôn giáo Bửu Sơn Kỳ Hương (BSKH) không hẳn như vậy. Mặc dù, về sau BSKH tham gia tích cực phong trào đấu tranh chống thực dân Pháp, giành độc lập cho xứ sở, nhưng cuộc khai sinh của BSKH (1849) sớm hơn khi người Pháp đặt chân lên Châu Đốc 18 năm. Thời điểm này, có lẽ những người nông dân nghèo ở miền cực Tây Châu Đốc xa xôi chưa có ý niệm nào về tai họa cướp nước của người Pháp như năm 1867. Chính vì vậy, BSKH là một tôn giáo ra đời trong một hoàn cảnh chính trị - xã hội đặc biệt giữa thế kỷ XIX, ở miền Tây Nam Bộ và là một trong những tôn giáo địa phương sớm nhất ở Việt Nam.

1. Đã có không ít tác giả nói đến BSKH. Một số người Pháp cho BSKH là một phái tu tiên (nghĩa là Đạo giáo) ngoại trừ Coulet cho BSKH là một phái Phật giáo đặc biệt, một Phật giáo dành riêng cho các cư sĩ thế tục hơn là dành cho các tăng sĩ (1).

Trước 1975, các tác giả Việt Nam đều cho rằng, BSKH là một giáo phái Phật giáo (Vương Kim, Đào Hưng, Nguyễn Văn Hầu, Mã Xái...). Sau 1975, Trần Hồng Liên cho BSKH là Phật giáo cải biên, Nguyễn Xuân Nghĩa cho là một tôn giáo cứu thế (messianisme), Trần Thị Bích Ngọc cho là sự kết hợp giữa Phật giáo và Đạo giáo bình dân, lấy tư tưởng "thế mạt luận" (Eschatology) làm căn bản. Tạ Chí Đại Trường cho BSKH là hệ phái mang tính chất "tiên tri"... Trong khi đó Phật giáo không công nhận BSKH là giáo phái Phật giáo...

2. Danh hiệu BSKH do 4 chữ trong bài "Tứ Bửu Linh Tự". Đọc theo chiều ngang ta có:

Bửu Ngọc Quân Minh Thiên Việt Nguyên
Sơn Trung Sứ Mạng Địa Nam Tiên
Kỳ Niên Trạng Tái Tân Phục Quốc
Hương Xuất Trình Sanh Tạo Nghiệp Yên
Theo chiều dọc ta có:
Bửu Sơn Kỳ Hương
Ngọc Trung Niên Xuất
Quân Sư Trạng Trình.
Minh Mạng Tái Sanh
Thiên Địa Tân Tạo
Việt Nam Phục Nghiệp
Nguyên Tiên Quốc Yên

Theo Mã Xái, bài thơ khoán thủ trên hàm chứa nhiều ý nghĩa cao siêu đến độ khó hiểu, chẳng khác gì lời sấm Trạng Trình. Riêng bốn chữ Bửu Sơn Kỳ Hương hàm ý đạo Phật sẽ mang mùi hương lạ (Kỳ hương từ núi báu - Bửu sơn tức núi Cấm) đến khắp chúng sinh.(2)

BSKH do Đoàn Minh Huyên (1807 - 1856)- vốn là một nông dân yêu nước, quê ở Tòng Sơn (Sa - Đéc) - khai sáng năm 1849, trong hoàn cảnh đặc biệt ở Nam Bộ giữa thế kỷ XIX. Xã hội lâm vào tình trạng không ổn định, bão táp nông dân khởi nghĩa, vùng đất mới, dân cư tứ chiếng, thiết chế phong kiến cấm rẫy chưa vững chắc. Việc quản lý, tổ chức khai hoang của triều Nguyễn bộc lộ những yếu kém, vùng chiến tranh Việt - Chân Lạp, Việt - Xiêm, loạn lạc, đói kém, mất mùa xảy ra, dịch bệnh hoành hành, làm xáo động xã hội và nhân tâm. Những người khốn khổ phải cố kết với nhau trước thiên nhiên hoang dã.

Các tôn giáo cũ tỏ ra bất lực trước đời sống hiện thực, không phù hợp với tâm lý lưu dân. BSKH ra đời, cố gắng trở về với tín ngưỡng dân gian Việt Nam, trở về với truyền thống, trở về với hoàn cảnh xã hội mà họ đang sống, nhưng lực bất tòng tâm. Vì các tôn giáo lớn với tư tưởng triết học và nhân văn sâu sắc nên tôn giáo mới không vượt lên được. Vì thế, không tránh khỏi sự vay mượn tư tưởng giáo lý các tôn giáo cũ, đơn giản hoá các tôn giáo cũ, lấy cái Dụng của các tôn giáo ấy ghép với tư tưởng Việt Nam cổ truyền, trong đó tư tưởng Phật giáo được vay mượn nhiều hơn cả.

Vụ mất mùa và dịch bệnh kéo dài từ 1849 đến năm 1850 đã xô đẩy nhân dân Nam Kỳ vào thảm cảnh đói kém, dịch bệnh và chết chóc. Sử triều Nguyễn ghi rõ: Từ tháng 3 năm Kỷ Dậu (1849) đến tháng 3 năm Canh Tuất (1850) nhân dân Tả Hữu 2 kỳ và 6 tỉnh Nam Kỳ bị nhiễm khí dịch lệ nặng. Bộ Hộ thông tính các hạt Nam Bắc bị chết cộng 589.460 người. Triều đình lo lắng sai tả tham tri bộ Hộ là Tôn Thất Thường đến miếu Đô thành hoàng; phó đô ngự sử viện Đô sát là Bùi Qũi đến miếu Hội đồng; kinh doãn là Võ Trọng Bình đến đền Thái dương phu nhân, đều làm lễ cầu đảo. Vua lại sai hiệp biện đại học sĩ lãnh thượng thư bộ Công là Nguyễn Tri Phương sung làm kinh lược đại sứ Nam Kỳ, cầm phù tiết đến nơi, để làm việc lợi, bỏ việc tệ, hạp yên dân.(3)

Thự tri phủ Tuy Biên (An Giang) là Võ Văn Hiệu (tiền sĩ), tri huyện An Xuyên là Nguyễn Duy Quang (cử nhân) đều hết lòng vì dân, người bệnh thì cho thuốc, người chết lo chôn, đứng bảo lãnh mượn của nhà giàu giúp cho nhà nghèo thám bắt trộm cướp để yên dân, dân đều tin và thương (4) được triều đình thưởng bạc và lụa.

Trong khi tổng số đình cả nước năm Thiệu Trị thứ 7 (1847) có 1.029.501 người, trận dịch này đã làm chết hơn một nửa (57%) so với số đình cả nước lúc đó, cho thấy thiệt hại về người vô cùng lớn.

Giữa lúc dân chúng đang khốn khổ vì dịch tả lan tràn, người chết không kịp chôn, thiên hạ hoảng sợ, ngoài đường vắng người đi, ban đêm chó không dám

sửa...Đoàn Minh Huyền đã xuất hiện và chặn đứng được cơn bệnh. Ông dùng một số hình thức dân gian để chữa bệnh, dùng dược thảo, bằng nói pháp dạy tu và kêu gọi dân chúng niệm Phật. Ông chữa từ Tòng Sơn đến Trà Bư, từ Xẻo Môn đến Kiến Thạch... Vì dân chúng đến đông quá và vì có kẻ tố cáo ông là "gian đạo sĩ" nên nhà cầm quyền đã cho mời và cầm giữ ông tại Châu Đốc. Nhưng vì dân chúng phần nộ, vì dịch bệnh lan tràn và vì thấy không gây nguy hiểm gì nên ông được trả tự do. Sau đó, Đoàn Minh Huyền đã đến chùa Tây An tại núi Sam(5) , cách trung tâm Châu Đốc 5 km. Nơi này thời đó còn vắng vẻ, cỏ tranh rậm rạp, ít người lui tới.

Từ đây ông lập nên đạo Bửu Sơn Kỳ Hương. Núi Sam trở thành nơi thu hút đông đảo tín đồ của cả vùng đồng bằng sông Cửu Long. Mỗi tín đồ của Đoàn Minh Huyền đều được cấp một "lòng phái" (thẻ/ chứng nhận) có triện sơn mang 4 chữ báu linh "Bửu Sơn Kỳ Hương". Uy tín to lớn của Đoàn Minh Huyền trước hết là do hoạt động chữa bệnh cứu dân thoát khỏi bệnh dịch, sau nữa là do giáo lý mà ông truyền bá.

3. Giáo lý Bửu Sơn Kỳ Hương là giáo lý Phật giáo, được bình dân hoá, lược giảm phần lý thuyết cho phù hợp với trình độ dân chúng. BSKH lấy Tâm Thành làm gốc, lấy Hướng Thiện làm mục đích với pháp môn Học Phật Tu Nhân là sợi dây cố kết có hiệu quả đảm quần cư, tú chiếng trước thiên nhiên hoang vu, huyền bí.

Về học Phật, ông khuyên tín đồ lo "làm Lành lánh Dữ", cốt giữ được cái tâm được Tịch. Muốn được như vậy thì phải rán tâm niệm 6 chữ Di Đà(6).

Quan trọng hơn cả là tính thực tiễn của giáo lý: BSKH rút ra 3 điều quan trọng của đạo Phật truyền thống là: Giới - Định - Tuệ. Giới là những phép tắc phải giữ đối với chính đạo, không cho phạm vào những lỗi lầm xấu xa và làm những điều ác vô minh. Định: Lặng nghĩ để quên đi những lạc thú ở đời và diệt trừ ham muốn, tập trung tư tưởng để thấu đạt đạo lý. Tuệ: Là hiểu thấu lý vô thường và khổ não chi phối mình bao nhiêu khổ đau được diệt trừ và thấy được Phật tánh.

Bửu Sơn Kỳ Hương hướng tín đồ vào hành động Tu Nhân, nỗ lực đền đáp Tứ đại trọng ân (Tứ ân): ân tổ tiên cha mẹ, ân đất nước, ân Tam Bảo, ân đồng bào nhân loại. Đây là sự canh tân giáo lý vì theo "Tứ ân" trong kinh điển cũ là: Ân phụ mẫu, ân quốc vương, ân Tam Bảo và ân chúng sinh.

Giáo lý BSKH là sự kết hợp giữa Học Phật và Tu Thân. Coi Tu Thân là quan trọng hàng đầu, không Tu Thân thì không Học Phật được.

BSKH chú ý tới sự canh tân về hình thức tu luyện, giản dị hoá những tập tục thờ cúng rườm rà để phù hợp với hoàn cảnh lưu dân khẩn hoang buổi đầu. Tín đồ không "ly gia cát ái" không đầu tròn áo vuông, không thờ tượng cốt, chỉ treo tấm trần Điều (vải đỏ) tượng trưng cho tinh thần vô vi, cho ngôi Tam Bảo, không ăn chay, không gõ mõ, tụng kinh, không xuống tóc, cạo râu. Vật phẩm dâng cúng chỉ hương hoa và nước lã đơn sơ. Chỉ thuyết pháp chứ không dùng văn tự mà ghi chép kinh kệ. Tín đồ hầu hết là tại gia cư sĩ.

Sự canh tân về giáo lý tín điều như trên dù ít dù nhiều của Bửu Sơn Kỳ Hương là nhằm đáp ứng nhu cầu tình thế, và nhu cầu thực tiễn, thích hợp với hoàn cảnh lưu dân khẩn hoang vùng đất mới nên thu hút được đông đảo tín đồ.

4. Bửu Sơn Kỳ Hương còn tỏ ra có những hoạt động mang lợi ích thiết thực cho đời sống lưu dân. Năm 1851, Đoàn Minh Huyền chia các đệ tử thành nhiều đoàn đi "khai sơn trăm thảo" khẩn hoang những vùng hoang vu lập những trại ruộng. Ông Đạo Ngoạn đưa đạo hữu về vùng Cần Lố (Đồng Tháp Mười) sau mở rộng vùng khai hoang ra khắp nẻo rạch Trà Bồng, rạch Ông Bường và Rạch Cần Lố. Trần Văn Thành chỉ huy khẩn hoang vùng Láng Linh (huyện Vĩnh An, phủ Tân Thành, An Giang). Một trại ruộng ở núi Két (Thất Sơn) do cụ Bùi Văn Thân (tức Bùi Thiên Sư) hướng dẫn sau lập nên 2 làng Hưng Thới, Xuân Sơn. Một trại ruộng ở vùng Cái Dầu (hữu ngạn Hậu giang) do cụ Nguyễn Văn Xuyên chỉ huy.(7)

Khi thực dân Pháp xâm lược An Giang (1867), tiếp nối truyền thống yêu nước chống ngoại xâm của dân tộc và tư tưởng giáo lý Tứ ân, những tín đồ BSKH đã bị cuốn hút tự nhiên vào ngọn cờ khởi nghĩa do lãnh tụ Trần Văn Thành xướng suất ở Bảy Thưa (Láng Linh).

Trần Văn Thành, người có công với triều Nguyễn trong suốt 30 năm với 30 trận dẹp loạn người Thổ nổi lên quấy rối trị an, giết hại dân chúng, do Xiêm La xúi dục, ông được triều đình thăng từ suất đội lên chánh quản cơ. Ông là một hiền thủ của Phật Thầy Đoàn Minh Huyền.

Từ 1867 - 1873 tại Láng Linh, nghĩa quân đã tích trữ lương thảo, lập xưởng rèn đúc vũ khí,(8) chiêu mộ nghĩa dũng, xây dựng căn cứ chờ ngày khởi nghĩa. Tại đây, có lúc lên tới 1200 người. Nghĩa quân đã nhiều lần đem quân đánh phá nhiều đồn bốt giặc ở Châu Đốc, Long Xuyên...gây khó khăn không ít cho quân Pháp.

Tuy nhiên do lực lượng chênh lệch, cuối cùng khởi nghĩa Bảy Thưa không khỏi chịu chung số phận với các cuộc chiến đấu của Trương Công Định, Nguyễn Trung Trực, Thủ Khoa Huân...

Sau khi Phật Thầy Tây An viên tịch (1856) và "ngọn lửa Bảy Thưa" bị Pháp dập tắt (1873), các môn đệ của Đoàn Minh Huyền tiếp tục con đường hoàng dương giáo pháp của Phật Thầy. Người ta cho ông đã được "chuyển kiếp", "tái thế" qua 4 lần: Từ Đức Phật Trùm (1868) ở núi Tà Lơn, Đức Bốn Sư ở núi Tượng (1878), Sư Vải Bán Khoai (1901 - 1902 ?) và cuối cùng là Đức Huỳnh Giáo Chủ của Phật giáo Hoà Hảo (1939).

5. Người ta thường nói tới những ảnh hưởng rộng lớn của phong trào BSKH đối với xã hội. Trước hết, đó là thành công trong kỹ thuật lãnh đạo, nói cách khác là nghệ thuật tập hợp quần chúng dưới ngọn cờ tín ngưỡng để thực hiện những nhiệm vụ thực tiễn.

Nghệ thuật lôi cuốn quần chúng của Đoàn Minh Huyền có thể là do ông tạo ra, hoặc có thể do tín đồ dệt nên, tạo cho ông trở thành "giả nhân dương thế" nhận

mệnh lệnh của cõi Tiên, của Phật, của Trời, là đáng thiêng liêng làm gạch nối giữa cõi thiêng và quần chúng. Dù do nguyên nhân nào, trong mắt tín đồ, Đoàn Minh Huyền là người có quyền lực nhiệm mầu, một thứ quyền uy thiêng liêng. Với quyền năng đặc biệt đó, Đoàn Minh Huyền đã thu phục được một lực lượng quần chúng đông đảo, trở thành những tín đồ thuần thành sẵn sàng hy sinh vì đạo pháp.

Những huyền thoại được thêu dệt về xảo thuật, phù phép, sai khiến được thánh thần, ác thú, tiên tri, dù có những điều huyền hoặc, nhưng sự thành công lạ lùng trong việc trị bệnh cho dân chúng đã cứu được rất nhiều người là có thật, từ đó đã gieo được niềm tin vào lòng tín đồ.

Cùng với huyền thoại được thêu dệt vây quanh Đoàn Minh Huyền về một Thất Sơn huyền bí, địa linh, càng khẳng định niềm tin về một vị Phật Thầy có sứ mạng mặc khải chân lý và giải thoát cho đời là hữu lý trong tin tưởng, trong tâm linh tín đồ. Thất Sơn là vùng nằm giữa khu tam giác Trị Tôn - Tịnh Biên - Nhà Bàng, chiếm khoảng 1/7 diện tích của tỉnh Châu Đốc.

Phải đến thời Thiệu Trị, cái tên Thất Sơn mới trở thành quen thuộc với người Châu Đốc, đặc biệt từ đời Tự Đức trở đi, huyền thoại về Thất Sơn mầu nhiệm, nơi tích tụ khí thiêng đất trời dần dần được thêu dệt. Từ đó Châu Đốc được nổi tiếng với "đất linh danh tiếng xôn xao xa gần", "tiền tam giang hậu thất lĩnh" (trước ba sông, sau bảy núi (Thất Sơn))...

Theo quan niệm phong thủy, Thất Sơn là nơi tụ huyết Long Đỉnh và 12 huyết huyền diệu. Địa thế Thất Sơn hiểm trở lại gần chỗ biên thủy. "sơn cao, thủy thâm", "hữu danh", "tác linh". Hầu hết các vị hoạt Phật BSKH, Tứ Ân Hiếu Nghĩa, Hoà Hảo đều lập căn cứ hoặc ít ra cũng viếng thăm vùng Thất Sơn một lần: Đoàn Minh Huyền, Đức Bổn Sư, Huỳnh Phú Sổ...

Cuối cùng với tư tưởng thế mạt, đời hạ ngục, mạt pháp (9) sắp chấm dứt, đời thượng ngục, hội Long Hoa sắp ra đời, như là cứu cánh đã hấp dẫn và lôi cuốn quần chúng một cách lạ thường.

Vì vậy, BSKH đã tập hợp được một số lượng đông đảo nông dân miền Tây đứng dưới ngọn cờ tôn giáo.

6. Sự ra đời và phát triển của BSKH ở miền Tây Nam Bộ thế kỷ XIX ít nhiều đã có vai trò tích cực trong giai đoạn lịch sử đặc biệt của dân tộc. Dù nó tạo ra những hình ảnh, hy vọng, lý tưởng một cách giả tạo nhưng đã làm cho tín đồ được an ủi và vơi đi những nỗi đau thực tại, xoa dịu những bất hạnh của cá nhân, tạo niềm tin, hy vọng cho những người nghèo khổ, bế tắc, hướng tới một xã hội tốt đẹp. BSKH đã có tác dụng nhất định trong cuộc sống, lay động được cả một cộng đồng người, bằng đức tin. chịu đựng gian khổ bám đất khẩn hoang, lập làng, bảo vệ mảnh đất mà họ phải đấu tranh, vật lộn, đổ bao mồ hôi kể cả máu. mới giành giữ được. Thái độ ái quốc, hoạt động chống Pháp giành độc lập cho xứ sở chẳng qua là việc hành sử "Tứ đại trọng ân" theo giáo lý của môn phái.

BSKH và những phong trào kháng Pháp ở Nam Bộ cuối thế kỷ XIX đến đầu XX chứng tỏ trong khung cảnh chính trị bế tắc những nỗ lực đấu tranh giành độc lập thường nghi trang dưới hình thức tôn giáo. Tôn giáo BSKH ở vào thế phải đấu tranh chính trị, giành độc lập cho quốc gia là do hoàn cảnh chính trị bế tắc.

Đến nay, những kinh nghiệm lịch sử và vai trò xã hội của BSKH vẫn được các nhà nghiên cứu quan tâm. Đó không chỉ là sức sống mãnh liệt, một tiềm lực tự tôn, một "sự đoàn kết thiêng liêng" giúp ích cho sự phát triển khẩn hoang, trại ruộng, lập thôn ấp phát triển kinh tế ở địa phương, và đấu tranh cho độc lập quốc gia, mà còn là nhân tố quan trọng góp phần liên kết cộng đồng, điều chỉnh hành vi đạo đức, tạo ra những tiêu chuẩn, những giá trị đạo đức, góp phần tạo nên ổn định xã hội, trị an ở vùng biên thuỳ phức tạp.

7. BSKH, một giáo phái thuộc thiên phái Lâm Tế đời thứ 35 - nhờ giáo lý được cải biên từ giáo lý Phật giáo và những hoạt động thực tiễn đã thu hút được đông đảo nông dân miền Tây dưới ngọn cờ tín ngưỡng để giải cứu những nhu cầu kinh tế - xã hội và tâm linh, động viên tín đồ kháng chiến cứu nước. BSKH đã góp phần phản ánh nét đặc thù trong đời sống văn hoá và sinh hoạt của cư dân người Việt ở Nam Bộ, là một tôn giáo nhập thể, một tôn giáo yêu nước có ảnh hưởng lớn đến lịch sử chính trị và tôn giáo Nam Kỳ.

Chú thích

1. Georges Coulet: *Societe secretes en terre d' Annam*. Sai Gon. C. A rdin. tr. 121, 1926, dẫn theo Trần Thị Bích Ngọc. Bửu Sơn Kỳ Hương: Một viễn tưởng xã hội tích cực. Số 46B. Xưa - Nay.
2. Mã Xái: *Giáo phái niên Tây*, Long Xuyên. 1974, tr. 8.
3. *Đại nam thực lục*, tập 27. KHXH, HN, 1973, tr 185, 216.
4. *Quốc triều chánh biên toát yếu*, Nhóm nghiên cứu Sử - Địa xuất bản, Sài Gòn . 1971, tr 286, 287.
5. *Đại Nam Thống nhất chí* nói chùa Tây An do Tổng đốc An Giang là Doãn Uẩn lập năm 1847.
6. Đây là quan niệm của pháp môn Tịnh Độ tông.
7. Nguyễn Văn Hầu - *Sự thôn thuộc và khai thác đất Tâm Phong Long*, Sử - Địa số 19 - 20.
8. Năm 1935-1936, ở An Giang khai quật được ba lò đúc súng gươm, 12 khẩu súng lớn, đạn dược của nghĩa quân. Năm 1986, khai quật được một hầm có 8 khẩu súng Thần công và đạn dược. Năm 1988, khai quật được một hầm có hơn 40 cây thương ở khu vực Láng Linh.
9. "Tôn giáo của đạo Phật có kỳ chinh pháp, có kỳ tượng pháp, mật pháp rồi lại chính pháp vậy" (Phật đại chi giáo, hữu chinh, hữu tượng, hữu mật, mật phục chinh hỹ) *Kinh Di Lạc độ thế*. Vũ Xuân Tăng dịch quốc ấn - Van Tương, 13 rue papier, Hà Nội, 1939, tr. 20.